

Số: 1700 /SYT-NVD

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 10 năm 2014

V/v hướng dẫn kiểm tra công tác
quản lý nhà nước về dược và mỹ
phẩm năm 2014.

Kính gửi:

- Phòng Y tế các huyện, thành phố;
- Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, tp tỉnh;
- Công ty TNHH Dược phẩm; Chi nhánh các Công ty Dược trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BYT ngày 07/9/2010 của Bộ Y tế về việc: Hướng dẫn kiểm tra cuối năm việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm.

Thực hiện công văn số 17037/QLD-VP ngày 01/10/2014 của Cục quản lý Dược- Bộ Y tế về việc hướng dẫn kiểm tra công tác quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm năm 2014, Sở Y tế hướng dẫn việc tổ chức kiểm tra đánh giá công tác dược năm 2014 của các đơn vị như sau:

1. Các đơn vị thành lập đoàn kiểm tra, tự kiểm tra đánh giá chấm điểm và phân loại:

1.1 Thành phần đoàn kiểm tra gồm: 01 lãnh đạo đơn vị là trưởng đoàn kiểm tra và các thành viên gồm cán bộ phụ trách Dược, đại diện các phòng ban có liên quan.

1.2 Nội dung kiểm tra đánh giá, chấm điểm về hoạt động công tác dược năm 2013 của đơn vị theo các phụ lục gửi kèm. Cụ thể:

1.2.1 Đối với Phòng Y tế các huyện, thành phố (*phụ lục 1*).

1.2.2 Các Công ty dược, Chi nhánh công ty dược trên địa bàn tỉnh (*phụ lục 2*)

1.2.3 Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh (*phụ lục 3*).

2 . Cách cho điểm, đánh giá và xếp loại :

2.1 *Cách cho điểm:*

- Điểm chấm: Theo hướng dẫn chi tiết tại bảng điểm;
- Điểm phạt: Theo hướng dẫn chi tiết tại bảng điểm;
- Điểm thưởng: Theo hướng dẫn chi tiết tại bảng điểm;
- Điểm tự kiểm tra = Tổng điểm chấm - Tổng điểm phạt + Tổng điểm thưởng.

2.2 *Đánh giá xếp loại:*

- Tổng số điểm đạt từ 90% trở lên so với điểm chuẩn: Xếp loại xuất sắc;
- Tổng số điểm đạt từ 80-89% so với điểm chuẩn: Xếp loại tốt;
- Tổng số điểm đạt từ 65-79% so với điểm chuẩn: Xếp loại khá;
- Tổng số điểm đạt từ 50-64% so với điểm chuẩn: Xếp loại trung bình;
- Tổng số điểm đạt dưới 50% so với điểm chuẩn: Xếp loại kém.

3. Thời gian báo cáo:

- Yêu cầu các đơn vị gửi kết quả tự kiểm tra chấm điểm (*kèm theo Quyết định thành lập đoàn kiểm tra và báo cáo kết quả tự kiểm tra công tác dược năm 2014 của đơn vị*) về Sở Y tế trước ngày **28/11/2014**.

Đoàn kiểm tra công tác quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm Sở Y tế có thể phúc tra bất kỳ đơn vị nào (nếu thấy cần thiết) và thông báo đơn vị được phúc tra, thời gian phúc tra cụ thể sau.

Yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc và gửi báo cáo kết quả tự kiểm tra về Sở Y tế theo đúng thời gian quy định để tổng hợp báo cáo về Bộ Y tế.

Các đơn vị Download các phụ lục đính kèm tại Website của Sở Y tế Quảng Ngãi theo địa chỉ: <http://syt.quangngai.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Nghiệp vụ Dược để nhận được phụ lục đính kèm bằng file điện tử.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, liên hệ Phòng Nghiệp vụ Dược Sở Y tế, ĐT: 3812442 để được hướng dẫn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở;
- Phòng KH, NVY, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, NVD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phụ lục 1

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DƯỢC TẠI PHÒNG Y TẾ NĂM 2014

(Kèm theo Công văn số ~~1700~~ /SYT-NVD ngày ~~27~~ /10/2014 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

A. THÔNG TIN CHUNG:

1. Phòng Y tế.....
2. Địa chỉ:
3. Số xã/phường/thị trấn:.....
 - Số xã đạt Chuẩn Quốc gia về y tế xã đến nay:
4. Thông tin về nhân lực tại phòng y tế:
 - Bác sỹ:.....
 - Y sỹ:
 - Điều dưỡng:.....
 - Nữ Hộ sinh:.....
 - Y sỹ y học dân tộc:.....
 - Dược sỹ đại học:
 - Dược sỹ trung học:.....
 - Dược tá:.....
 - Khác:
5. Tổng số các cơ sở kinh doanh thuốc - mỹ phẩm:
 - Cơ sở kinh doanh thuốc:
 - + Đại lý:.....
 - + Quầy thuốc
 - + Nhà thuốc:
 - + Công ty:.....

B. BẢNG CHẤM ĐIỂM (90 điểm)

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của Phòng Y tế:	4		
1	- Cơ sở rộng rãi, khang trang, sạch đẹp được: 2 điểm - Có cơ sở được: 1 điểm	2		
2	- Đảm bảo đủ trang thiết bị hoạt động được: 2 điểm - Thiếu trang thiết bị được: 1 điểm	2		
II	Tổ chức, nhân lực, phối hợp hoạt động của Phòng Y tế:	8		
	Nhân lực:	4		
1	- Phòng Y tế có dược sỹ ĐH được: 4 điểm - Phòng Y tế có dược sỹ TH được: 2 điểm - Phòng Y tế có Dược tá được: 1 điểm - Phòng Y tế không có cán bộ dược : 0 điểm			
2	Phối hợp công tác với các đơn vị y tế trên địa bàn:			
2.1	Giao ban định kỳ với các đơn vị y tế trên địa bàn: - Có đầy đủ được: 2 điểm - Mỗi đợt theo định kỳ không giao ban trừ 0,5 điểm, tổng số không quá 2 điểm - Điểm phạt: trừ 1 điểm (-1): Không giao ban * Kiểm tra các biên bản họp giao ban	2		
2.2	Phối hợp công tác với các đơn vị y tế trên địa bàn: - Phối hợp tốt được: 2 điểm - Có phối hợp nhưng chưa tốt được: 0,5 điểm - Không phối hợp: 0 điểm *Kiểm tra các văn bản phối hợp	2		
III	Công tác quản lý nhà nước tại Phòng Y tế:	60		
1	Công tác quy hoạch, kế hoạch:			
1.1	Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển ngành Dược (ngắn hạn, dài hạn) của địa phương trình UBND huyện/thị xã/thành phố (sau đây gọi tắt là huyện) và được phê duyệt: - Có bản quy hoạch, kế hoạch riêng được: 4 điểm - Không có bản quy hoạch, kế hoạch: 0 điểm * Kiểm tra bản quy hoạch, kế hoạch...	4		
1.2	Xây dựng kế hoạch năm công tác quản lý nhà nước về Dược Mỹ phẩm của huyện: - Có kế hoạch : 2 điểm - Không có kế hoạch: 0 điểm * Kiểm tra bản kế hoạch	2		
2	Trình UBND (Chủ tịch UBND) huyện ban hành theo thẩm quyền các văn bản quản lý về Dược - Mỹ phẩm theo yêu cầu quản lý của Sở và UBND huyện (nếu có): - Ban hành đủ: 2 điểm - Ban hành không đủ: 1 điểm	2		

	- Không ban hành: 0 điểm *Kiểm tra văn bản được ban hành. Nếu không có yêu cầu thì không tính điểm chuẩn			
3	Tham mưu cho UBND ban hành các văn bản về tăng cường quản lý nhà nước về dược - Mỹ phẩm trên địa bàn: - Mỗi văn bản đề nghị được 0,5 điểm, tổng số không quá 2 điểm - Không có văn bản: 0 điểm *Kiểm tra các văn bản	2		
4	Công tác phổ biến văn bản quản lý về Dược - mỹ phẩm mới ban hành:			
4.1	Phổ biến đủ văn bản: - Phổ biến đủ 100% văn bản dược: 2 điểm. - Mỗi văn bản không phổ biến trừ 0,25 điểm, tối đa trừ không quá 2 điểm	2		
4.2	Phổ biến, hướng dẫn tập huấn cho đủ loại đối tượng quản lý (cán bộ y tế, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh Dược-mỹ phẩm): - Phổ biến đủ loại đối tượng dược: 2 điểm - Phổ biến không đủ loại đối tượng: mỗi loại đối tượng trừ 0,5 điểm, tối đa trừ không quá 2 điểm * Tùy thuộc vào lĩnh vực quản lý quy định loại đối tượng được phổ biến. Kiểm tra hồ sơ, văn bản lưu tại Phòng Y tế	2		
4.3	Phổ biến kịp thời: - Phổ biến kịp thời và triển khai theo đúng hiệu lực của văn bản dược 2 điểm - Không kịp thời: 1 điểm - Không phổ biến: 0 điểm	2		
5	Công tác tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý về Dược-mỹ phẩm:			
5.1	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định quản lý nhà nước về Dược-mỹ phẩm: - Có đầy đủ kế hoạch thanh tra, kiểm tra dược: 2 điểm - Không có đủ kế hoạch: mỗi lĩnh vực trừ 0,5 điểm, tối đa trừ không quá 2 điểm *Kiểm tra kế hoạch	2		
5.2	Tổ chức thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch: - Thực hiện theo đúng các kế hoạch: mỗi lĩnh vực được 0,5 điểm, tối đa không quá 2 điểm - Không thực hiện: 0 điểm *Kiểm tra biên bản thanh tra, kiểm tra	2		
5.3	Tổng kết kết quả thanh tra, kiểm tra: - Có đủ tổng kết của các đợt thanh tra: mỗi đợt có tổng kết được 0,5 điểm, tổng số điểm không quá 2 điểm - Không tổng kết: 0 điểm *Kiểm tra bản báo cáo tổng kết từng đợt thanh tra	2		
5.4	Công tác xử lý vi phạm sau thanh tra: - $\geq 95\%$ số trường hợp xử lý đúng: 2 điểm - 90% - 94% số trường hợp xử lý đúng: 1 điểm	2		

	<ul style="list-style-type: none"> - 85% - 89% số trường hợp xử lý đúng: 0,5 điểm - 80% - 84% số trường hợp xử lý đúng: 0 điểm - Điểm phạt: trừ 1 điểm (-1): < 80% số trường hợp xử lý đúng. <p>* Kiểm tra biên bản và quyết định lưu tại Phòng Y tế.</p>			
5.5	<p>Công tác giải quyết khiếu nại tố cáo về Dược - mỹ phẩm: Tổ chức xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực Dược:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết đúng thẩm quyền, đúng thời gian quy định: 2 điểm - Giải quyết đúng thẩm quyền, không đúng thời gian quy định: 0 điểm <p>- Điểm phạt: trừ 1 điểm (-1): Không giải quyết (Nếu không có khiếu nại, tố cáo: trừ điểm chuẩn)</p>	2		
5.6	Công tác quản lý hành nghề dược tư nhân:			
5.6.1	<p>Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quản lý về hành nghề dược tư nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện được 2 điểm - Không thực hiện: 0 điểm 	2		
5.6.2	<p>Thông kê danh sách các cơ sở hành nghề kinh doanh dược trên địa bàn quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có danh sách được 2 điểm - Có không đầy đủ: 1 điểm - Không có danh sách: 0 điểm 	2		
5.6.3	<p>Tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở hành nghề kinh doanh dược tại địa phương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tổ chức được 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm 	2		
5.6.4	<p>Tổ chức phối hợp liên ngành trong công tác quản lý hành nghề kinh doanh dược tại địa phương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phối hợp được 2 điểm - Không phối hợp: 0 điểm <p>* Kiểm tra văn bản lưu tại phòng y tế</p>	2		
5.6.5	<p>Tổ chức thanh tra, kiểm tra hành nghề Dược : Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra trong năm/tổng số cơ sở trên địa bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra trên 90% số cơ sở được: 2 điểm - Kiểm tra được 75% - 89% số cơ sở: 1 điểm - Kiểm tra được 50%- 74% số cơ sở: 0,5 điểm - Kiểm tra được dưới 50% số cơ sở: 0 điểm. 	2		
5.6.6	<p>Tỷ lệ % số cơ sở hành nghề kinh doanh dược bị xử lý vi phạm hành chính/Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra trong năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ < 6 %: 2 điểm - Tỷ lệ từ 6,1% - 7,9%: 1 điểm - Tỷ lệ > 8%: 0 điểm <p>* Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối năm của Phòng Y tế</p>	2		
5.7	Công tác quản lý mỹ phẩm			

5.7.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về quản lý mỹ phẩm: - Có thực hiện được: 2 điểm - Không thực hiện: 0 điểm	2		
5.7.2	Tổ chức phối hợp liên ngành trong công tác quản lý mỹ phẩm tại địa phương: - Có phối hợp được: 2 điểm - Không phối hợp: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Phòng Y tế	2		
5.7.3	Kiểm tra hậu mại cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm trên địa bàn trong năm: - Kiểm tra được $\geq 40\%$ số cơ sở: 2 điểm - Kiểm tra được 25% - 39% số cơ sở: 1 điểm - Kiểm tra được dưới 25% số cơ sở: 0 điểm	2		
5.8	Quản lý trên các lĩnh vực công tác khác:			
5.8.1	Chỉ đạo, giám sát việc thu hồi thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng: - Có văn bản chỉ đạo và giám sát các đơn vị thu hồi kịp thời được: 2 điểm - Giám sát các đơn vị thu hồi không kịp thời: 0 điểm - Điểm phạt: trừ 1 điểm (-1): Không giám sát hoặc vẫn còn thuốc bị thu hồi lưu hành trên thị trường. * Kiểm tra các văn bản lưu tại Phòng Y tế	2		
5.8.2	Tổ chức quản lý liên ngành trong công tác phòng chống thuốc giả, gian lận thương mại: - Có tổ chức: 2 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản lưu tại Phòng Y tế	2		
5.8.3	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về quản lý giá thuốc: - Có thực hiện được: 2 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm	2		
5.8.4	Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý giá thuốc: - Có tổ chức được: 2 điểm - Không tổ chức: 0 điểm	2		
5.8.5	Phối hợp liên ngành trong công tác quản lý giá thuốc: - Có phối hợp được: 1 điểm - Không phối hợp: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản lưu tại Phòng Y tế	2		
5.8.6	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về thông tin quảng cáo trong lĩnh vực y tế - Có thực hiện được: 2 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm	2		
5.8.7	Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về thông tin quảng cáo trong lĩnh vực y tế - Có tổ chức được: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Phòng Y tế.	2		

5.8.8	Phối hợp liên ngành trong công tác quản lý thông tin quảng cáo trong lĩnh vực y tế - Có phối hợp được: 2 điểm - Không phối hợp: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản lưu tại Phòng Y tế.	2		
IV	Công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo:	6		
1	Báo cáo thường xuyên định kỳ công tác quản lý nhà nước (thanh tra, kiểm tra, xử lý) về hành nghề dược tư nhân, mỹ phẩm theo quy định: - Có đủ báo cáo: 3 điểm - Không đủ báo cáo: 1 điểm Điểm phạt: trừ 1 điểm (-1): Không gửi báo cáo. * Kiểm tra báo cáo lưu tại Phòng Y tế	3		
2	Gửi báo cáo về Sở Y tế: - Gửi đủ báo cáo và đúng thời hạn: 3 điểm - Gửi đủ báo cáo và không đúng thời hạn: 1 điểm Điểm phạt: trừ 1 điểm (-1): Không gửi báo cáo. * Kiểm tra báo cáo lưu tại Phòng Y tế	3		
V	Công tác đào tạo cán bộ	8		
1	Xây dựng quy hoạch cán bộ: - Có xây dựng: 2 điểm - Không xây dựng: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo lưu tại Phòng Y tế	2		
2	Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ: - Có tổ chức: 2 điểm - Không tổ chức: 0 điểm *Kiểm tra hồ sơ lưu tại Phòng Y tế	2		
3	Cử cán bộ đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, quản lý kinh tế: - Có cử cán bộ: 2 điểm - Không cử cán bộ: 0 điểm * Điểm thưởng: cộng 1 điểm (+ 1): có cán bộ đang học CKI, CKII, ThS, TS	2		
4	Có đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu trong năm hoặc đang được triển khai đúng tiến độ. - Có đề tài: 2 điểm - Không có đề tài: 0 điểm. * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Phòng Y tế.	2		
VI	Công tác cải cách hành chính tại Phòng Y tế	4		
1	Tổ chức triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực y tế, ban hành danh mục các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực Dược thuộc phạm vi quản lý của phòng y tế. - Có tổ chức: 2 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Phòng Y tế	2		
2	Ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm tác nghiệp trong công tác quản lý y tế	2		

	- Có ứng dụng: 2 điểm. - Không ứng dụng: 0 điểm			
	Tổng điểm chuẩn	90		

KẾT QUẢ TỰ CHẤM ĐIỂM

- Tổng số điểm đạt từ 90% trở lên so với điểm chuẩn: Xếp loại xuất sắc;
- Tổng số điểm đạt từ 80-89% so với điểm chuẩn: Xếp loại tốt;
- Tổng số điểm đạt từ 65-79% so với điểm chuẩn: Xếp loại khá;
- Tổng số điểm đạt từ 50-64% so với điểm chuẩn: Xếp loại trung bình;
- Tổng số điểm đạt dưới 50% so với điểm chuẩn: Xếp loại kém.

TỔNG SỐ ĐIỂM TỰ CHẤM:

Xếp loại:

....., ngày tháng năm 2014

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA CÔNG TÁC KINH DOANH DƯỢC NĂM 2014

(Kèm theo Công văn số 1100 /SYT-QLD ngày 27 /10/2014 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

A. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên đơn vị:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại cơ quan:
4. DS phụ trách Chuyên môn:
5. Giấy chứng nhận đủ ĐK kinh doanh thuốc số:
4. Thông tin về nhân lực dược và cơ sở bán lẻ trực thuộc:

Diễn giải	Số lượng	Ghi chú
I. Nhân lực		
1. Tiến sĩ dược		
2. Thạc sĩ dược		
3. Dược sĩ chuyên khoa I		
4. Dược sĩ chuyên khoa II		
5. Dược sĩ Đại học		
6. Dược sĩ TH, KTV Dược		
7. Dược tá		
II. Cơ sở bán lẻ		
1. Quầy thuốc		
2. Đại lý		
3. Nhà thuốc		

Ghi chú: Công ty gửi Danh sách cán bộ nhân viên (nêu rõ chức vụ, trình độ chuyên môn, nhiệm vụ được giao) hiện đang công tác tại đơn vị kèm theo báo cáo này

B. BẢNG CHẤM ĐIỂM (100 điểm)

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổ chức nhân sự:	20		
1.1	Có sơ đồ tổ chức nhân sự và ghi rõ tên, trình độ của từng người? ^(GDP) - Có đầy đủ: 2 điểm - Không có: 0 điểm	2		
1.2	Có văn bản quy định trách nhiệm quyền hạn của từng cá nhân và mối quan hệ giữa các cá nhân? ^(GDP) - Có quy định: 2 điểm - Không có quy định: 0 điểm	2		
1.3	Cơ sở có đủ nhân viên có trình độ phù hợp với công việc được giao? - Có đủ: 2 điểm. - Không đầy đủ: 0 điểm	2		
1.4	Có bản mô tả công việc của từng cá nhân không? ^(GDP) - Có đầy đủ: 2 điểm. - Không đầy đủ: 0 điểm	2		
1.5	Có quy trình và thiết bị sơ cứu để xử lý các trường hợp ảnh hưởng đến sự an toàn của nhân viên không? ^(GDP) - Có đủ quy trình và thiết bị: 2 điểm - Không có quy trình và thiết bị: 0 điểm	2		
1.6	Nhân viên có được đào tạo huấn luyện đầy đủ về GDP không? ^(GDP) - Đào tạo và huấn luyện đầy đủ: 4 điểm - Không đào tạo và huấn luyện đầy đủ: 0 điểm (kiểm tra hồ sơ lưu tại cơ sở)	4		
1.7	Nhân viên có được đào tạo ban đầu và đào tạo liên tục phù hợp với nhiệm vụ được giao? ^(GDP) - Đào tạo liên tục: 2 điểm - Không đào tạo liên tục: 0 điểm (kiểm tra hồ sơ lưu tại cơ sở)	2		
1.8	Có các quy trình về vệ sinh cá nhân cho nhân viên phù hợp với các hoạt động tiến hành không? - Có quy trình: 2 điểm - Không có quy trình: 0 điểm	2		
1.9	Có trang phục bảo hộ lao động và thẻ cá nhân cho	2		

	nhân viên phù hợp với các hoạt động tiến hành không? (GDP) - Có đủ và phù hợp: 2 điểm - Không phù hợp: 0 điểm			
2	Thực hiện Các văn bản pháp quy về dược:	55		
2.1	Công tác quản lý chất lượng thuốc	20		
2.1.1	Duy trì việc phổ biến hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về quản lý chất lượng thuốc: - Có thực hiện được: 5 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm	5		
2.1.2	Thực hiện việc thu hồi thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng: - Có văn bản chỉ đạo và giám sát các cơ sở thu hồi kịp thời được 5 điểm - Giám sát các đơn vị thu hồi không kịp thời 2 điểm - Không thực hiện: 0 điểm	5		
2.1.3	Công tác bảo quản thuốc: Thuốc sắp xếp ngăn nắp, có sổ sách theo dõi chất lượng và hạn dùng của thuốc. - Thực hiện đầy đủ được 5 điểm. - Thực hiện không đầy đủ được 0 điểm	5		
2.1.4	Nguồn gốc xuất xứ, chất lượng của thuốc kinh doanh: - 100% lô thuốc có xuất xứ rõ ràng: 5 điểm - Có thuốc hết hạn dùng: 0 điểm - Có thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ trừ 3 điểm	5		
2.2	Công tác quản lý giá thuốc	15		
2.2.1	Duy trì việc tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về quản lý giá thuốc: - Có thực hiện được: 5 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm	5		
2.2.2	Tổ chức tự thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý giá thuốc: - Có tổ chức được: 5 điểm - Không tổ chức: 0 điểm (kiểm tra hồ sơ lưu tại Công ty)	5		
2.2.3	Thực hiện niêm yết giá thuốc và bán theo giá niêm yết - Thực hiện đầy đủ được 5 điểm - Thực hiện không đầy đủ: 2 điểm Không thực hiện: 0 điểm	5		
2.3	Cung ứng thuốc	10		
2.3.1	Có kế hoạch cung ứng đủ thuốc đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh và công tác phòng chống thiên tai thảm họa: được 5 điểm - Không có kế hoạch: 0 điểm (kiểm tra hồ sơ lưu tại Công ty)	5		
2.3.2	Danh mục thuốc kinh doanh: - Đảm bảo đủ thuốc thiết yếu tuyến C trong DM thuốc thiết yếu: được 5 điểm - Không đủ: được 3 điểm	5		

2.4	Công tác thanh kiểm tra:	10		
2.4.1	Công ty thực hiện thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc trực thuộc Công ty: - Có tổ chức được: 5 điểm - Không tổ chức: 0 điểm	5		
2.4.2	Kiểm tra các cơ sở bán lẻ thuốc: Tỷ lệ% số cơ sở bán lẻ được kiểm tra/tổng số cơ sở bán lẻ trực thuộc Công ty. - Kiểm tra trên 70% : được 5 điểm - Kiểm tra được 50- 69% : 3 điểm - Kiểm tra được 30% - 49% : 2 điểm - Kiểm tra được dưới 30% : 1 điểm - Không kiểm tra: 0 điểm (kiểm tra hồ sơ lưu tại Công ty)	5		
3	Công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo:	10		
3.1	Báo cáo triển khai, thực hiện việc phòng chống thuốc giả - Có thực hiện báo cáo: 3 điểm - Không có báo cáo: 0 điểm	3		
3.2	Báo cáo triển khai, thực hiện thuốc đình chỉ lưu hành, thu hồi thuốc kém chất lượng theo thông báo của Sở Y tế - Báo cáo đầy đủ: 4 điểm - Báo cáo không đầy đủ: 2 điểm. - Không có báo cáo: 0 điểm (kiểm tra văn bản lưu tại đơn vị)	3		
3.3	Gửi các báo cáo về Sở Y tế : - Đúng thời hạn: 3 điểm - Không đúng thời hạn: 1 điểm - Không gửi báo cáo: 0 điểm	4		
4	Thực hiện GDP	10		
4.1	- Công ty đã được giấy chứng nhận “thực hành tốt phân phối thuốc-GDP”: 5 điểm - Chưa được cấp GDP: 0 điểm	5		
4.2	- Thực hiện đúng các quy trình GDP: 5 điểm. - Thực hiện không đủ các quy trình: 3 điểm - Thực hiện không đúng, không thực hiện: 0 điểm	5		
5	Công tác đào tạo cán bộ	5		
5.1	Xây dựng quy hoạch cán bộ được: - Có quy hoạch: 2,5 điểm - Không có quy hoạch: 0 điểm	2,5		
5.2	Công tác tập huấn nâng cao trình độ - Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ được: 2,5 điểm - Không tổ chức: 0 điểm	2,5		
	Tổng cộng	100		

KẾT QUẢ TỰ CHẤM ĐIỂM

- Tổng số điểm đạt từ 90% trở lên so với điểm chuẩn: Xếp loại xuất sắc;
- Tổng số điểm đạt từ 80-89% so với điểm chuẩn: Xếp loại tốt;
- Tổng số điểm đạt từ 65-79% so với điểm chuẩn: Xếp loại khá;
- Tổng số điểm đạt từ 50-64% so với điểm chuẩn: Xếp loại trung bình;
- Tổng số điểm đạt dưới 50% so với điểm chuẩn: Xếp loại kém.

TỔNG SỐ ĐIỂM TỰ CHẤM:

Xếp loại:

....., ngày tháng năm 2014

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3

**SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG ĐIỂM
KIỂM TRA CÔNG TÁC KIỂM NGHIỆM DƯỢC PHẨM - MỸ PHẨM NĂM 2014
(Kèm theo Công văn số 1700/SYT-QLD ngày 27/10/2014 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

I. THÔNG TIN CHUNG:

- Số lượng cán bộ: (Biên chế:, Hợp đồng:), trong đó:

- + Sau đại học:
- + Dược sĩ:
- + Kỹ sư/cử nhân hóa học:
- + Kỹ sư/cử nhân sinh học:
- + Dược sĩ trung học:
- + Dược tá:
- + Khác:

- Kinh phí cho hoạt động kiểm nghiệm trong năm: đồng.

- Số lượng mẫu đã tiến hành kiểm tra (*Tính đến thời điểm tự kiểm tra*):, trong đó:

- + Mẫu lấy:
- + Mẫu gửi:
- + Mẫu đạt tiêu chuẩn chất lượng:
- + Mẫu không đạt tiêu chuẩn chất lượng:, trong đó:
 - . Mẫu lấy:
 - . Mẫu gửi:
- + Thuốc giả:

- Số hoạt chất có khả năng thực hiện phân tích:

- Số hoạt chất đã tiến hành phân tích trong năm:

- Số hoạt chất mới được đưa vào phân tích trong năm:

Ghi chú: Trung tâm KNDP gửi danh sách cán bộ nhân viên (nêu rõ chức vụ, trình độ chuyên môn, nhiệm vụ được giao) hiện đang công tác tại đơn vị kèm theo báo cáo này)

II. BẢNG CHẤM ĐIỂM (100 điểm)

TT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ		
		Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Ghi chú
1.	Tổ chức nhân sự	10		
1.1	Có đủ các phòng chuyên môn theo yêu cầu: Hóa lý, Vật lý, Vi sinh vật, Đông dược, Mỹ phẩm: - Có đủ phòng chuyên môn theo quy định: 03 điểm - Chưa đủ phòng chuyên môn theo quy định: 02 điểm	3		
1.2	Trưởng phòng kiểm nghiệm và trưởng bộ phận có trình độ đại học và sau đại học: - Trưởng phòng kiểm nghiệm và trưởng bộ phận có trình độ đại học trở lên: 02 điểm - Còn Trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận có trình độ trung học: 01 điểm	2		
1.3	Công tác được đào tạo và đào tạo lại thường xuyên: - Nhân viên được đào tạo và đào tạo lại: 02 điểm. - Nhân viên không được đào tạo và đào tạo lại: 0 điểm	2		
1.4	Công tác kiểm tra, đánh giá tay nghề của kiểm nghiệm viên, kỹ thuật viên: - Có định kỳ kiểm tra: 03 điểm - Không có định kỳ kiểm tra: 0 điểm	3		
2.	Công tác quản lý chất lượng thuốc, mỹ phẩm	10		
2.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành tại địa phương : 02 điểm - Có kế hoạch: 02 điểm - Không có kế hoạch: 0 điểm * Kiểm tra kế hoạch tại đơn vị	2		
2.2	Tổng số mẫu kiểm nghiệm trong năm: - Từ 500 mẫu trở lên: 02 điểm - Dưới 500 mẫu: 01 điểm. * Kiểm tra số liệu tại Trung tâm kiểm nghiệm	2		
2.3	Tỷ lệ mẫu được kiểm nghiệm đủ các chỉ tiêu (Chỉ tính trên các mẫu lấy kiểm tra, giám sát chất lượng, không tính mẫu gửi, mẫu khảo sát theo chỉ đạo của Bộ Y tế hoặc theo các chương trình của Hệ thống kiểm nghiệm): - Từ 80% số mẫu trở lên: 02 điểm - Từ 60% - 80% số mẫu : 01 điểm - Dưới 60% số mẫu: 0 điểm. * Kiểm tra báo cáo tại Trung tâm kiểm nghiệm	2		
2.4	Triển khai việc lấy mẫu kiểm tra chất lượng thuốc một cách có trọng tâm, trọng điểm; lưu ý đối với các thuốc	2		

	<p>chứa hoạt chất kém bền vững.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có triển khai: 02 điểm. - Không triển khai: 0 điểm. <p>* Kiểm tra số liệu tại Trung tâm kiểm nghiệm</p>			
2.5	<p>Báo cáo định kỳ, đột xuất công tác quản lý chất lượng thuốc trên địa bàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kịp thời: 2 điểm - Báo cáo không kịp thời: 0 điểm <p>* Kiểm tra các báo cáo lưu tại Trung tâm kiểm nghiệm</p>	2		
3.	Cơ sở vật chất	10		
3.1	<p>Các phòng/bộ phận có đủ diện tích sử dụng, đảm bảo đủ chỗ cho trang thiết bị dụng cụ chuyên môn, hồ sơ tài liệu và không gian làm việc cho nhân viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ diện tích sử dụng: 02 điểm - Không đủ diện tích để bố trí trang thiết bị cho hoạt động chuyên môn: 01 điểm. 	2		
3.2	<p>Công tác bảo quản thuốc thử, chất chuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phòng/khu vực riêng để bảo quản thuốc thử, chất chuẩn: 02 điểm - Không bố trí phòng/khu vực riêng để bảo quản thuốc thử, chất chuẩn: 0 điểm. 	2		
3.3	<p>Công tác lưu mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phòng/tủ lưu mẫu đảm bảo về nhiệt độ, độ ẩm đúng quy định: 02 điểm - Không bố trí phòng/tủ lưu mẫu, hoặc phòng/tủ lưu mẫu không đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm đúng quy định: 0 điểm 	2		
3.4	<p>Công tác bảo quản dung môi cháy nổ hoặc hóa chất độc hại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phòng/khu vực riêng để dung môi cháy nổ hoặc hóa chất độc hại: 02 điểm - Không bố trí phòng/khu vực riêng để dung môi cháy nổ hoặc hóa chất độc hại: 0 điểm. 	2		
3.5	<p>Phòng kiểm nghiệm vi sinh cách biệt với các phòng kiểm nghiệm khác, hệ thống cấp khí sạch phải đảm bảo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Vi sinh cách biệt với các phòng kiểm nghiệm khác và có hệ thống cấp khí sạch đảm bảo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định: 02 điểm. - Phòng Vi sinh cách biệt với các phòng kiểm nghiệm khác nhưng chưa có hệ thống cấp khí sạch đảm bảo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định: 01 điểm. - Phòng Vi sinh chung với các phòng kiểm nghiệm khác nhưng: 0 điểm. 	2		
4.	Thiết bị phân tích và hiệu chỉnh thiết bị phân tích	10		

4.1	Danh mục thiết bị phân tích phù hợp với yêu cầu kiểm tra chất lượng thuốc và mỹ phẩm: - Có danh mục thiết bị phù hợp yêu cầu chuyên môn: 02 điểm, - Không có danh mục thiết bị: 0 điểm.	2		
4.2	Các thiết bị đều có sổ lý lịch máy với đầy đủ các thông tin theo quy định: - Có đủ sổ lý lịch máy: 02 điểm - Không có sổ lý lịch máy: 0 điểm	2		
4.3	Hướng dẫn sử dụng các thiết bị phân tích và được đặt ở gần thiết bị: - Có bảng hướng dẫn sử dụng các thiết bị phân tích: 02 điểm - Không có bảng hướng dẫn sử dụng các thiết bị phân tích: 0 điểm	2		
4.4	Hiệu chuẩn thiết bị phân tích theo quy định: - Thiết bị phân tích có hiệu chuẩn định kỳ và dán nhãn đã chuẩn định: 02 điểm - Thiết bị phân tích không hiệu chuẩn định kỳ: 0 điểm	2		
4.5	Các thiết bị có dấu hiệu hoạt động quá tải, cho kết quả không đáng tin cậy, hỏng hóc hoặc không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật phải được dán nhãn rõ ràng, cách ly, không đưa vào sử dụng: - Các thiết bị phân tích không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật phải dán nhãn và cách ly không sử dụng: 02 điểm - Còn sử dụng các thiết bị phân tích không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật: 0 điểm	2		
5.	Thuốc thử và chất đối chiếu	15		
5.1	Thuốc thử:			
5.1.1	Bảo quản thuốc thử có tính độc hại hoặc dễ cháy nổ - Có quy chế bảo quản đối với thuốc thử có tính độc hại hoặc dễ cháy nổ: 02 điểm - Không có quy chế bảo quản đối với thuốc thử có tính độc hại hoặc dễ cháy nổ: 0 điểm	2		
5.1.2	Bảo quản thuốc thử thuộc về chất gây nghiện, chất hướng tâm thần và tiền chất theo đúng quy định hiện hành: - Bảo quản thuốc thử thuộc về chất gây nghiện, chất hướng tâm thần đúng quy định: 02 điểm - Bảo quản thuốc thử thuộc về chất gây nghiện, chất hướng tâm thần không đúng quy định: 0 điểm	2		
5.1.2	Thuốc thử sau khi pha được dán nhãn đầy đủ với các thông tin: tên thuốc thử, nồng độ, yêu tố chuẩn hóa (hệ số hiệu chỉnh K), hạn dùng, điều kiện bảo quản, ngày pha chế và tên người pha chế:	2		

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhãn thuốc thử ghi đầy đủ thông tin theo quy định: 02 điểm. - Nhãn thuốc thử không ghi đầy đủ thông tin theo quy định: 0 điểm. 			
5.1.3	<p>Sổ pha chế thuốc thử, chất chuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sổ pha chế thuốc thử, chất chuẩn ghi đầy đủ thông tin: 02 điểm - Không có sổ pha chế thuốc thử, chất chuẩn: 0 điểm 	2		
5.1.4	<p>Quy định kiểm tra nồng độ của các dung dịch chuẩn độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy định kiểm tra định kỳ nồng độ các dung dịch chuẩn độ: 02 điểm. - Không có quy định kiểm tra định kỳ nồng độ các dung dịch chuẩn độ: 0 điểm. <p>*Kiểm tra các quy định tại đơn vị</p>	2		
5.1.5	<p>Quy định kiểm tra nước cất để bảo đảm chất lượng nước đạt tiêu chuẩn được điện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiểm tra nước cất ít nhất 01 lần/tháng: 02 điểm - Không kiểm tra: 0 điểm 	2		
5.2	Chất đối chiếu:			
5.2.1	<p>Có Sổ theo dõi chất đối chiếu ghi đầy đủ các thông tin: số thứ tự chất đối chiếu, tên chất đối chiếu, nguồn cung cấp, số lô hay mã nhận dạng (nếu có), quy cách đóng gói và điều kiện bảo quản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sổ theo dõi chất đối chiếu ghi đầy đủ thông tin theo quy định: 02 điểm. - Không có sổ theo dõi chất đối chiếu: 0 điểm. 	2		
5.2.2	<p>Các chất đối chiếu được bảo quản đúng điều kiện quy định và được đánh giá định kỳ theo quy trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất đối chiếu được bảo quản đúng điều kiện theo quy định: 01 điểm. - Chất đối chiếu bảo quản không đúng điều kiện theo quy định: 0 điểm. 	1		
6.	Mẫu thử	5		
6.1	<p>Quy trình lấy mẫu, nhận mẫu và xử lý mẫu đúng theo quy định hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy trình và thực hiện đúng quy trình: 02 điểm - Thực hiện không đúng quy trình: 0 điểm 	2		
6.2	<p>Mẫu lưu được ghi ngày bắt đầu lưu và được bảo quản theo đúng quy định về nhiệt độ, độ ẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu lưu được bảo quản đúng quy định về nhiệt độ, độ ẩm: 02 điểm. - Mẫu lưu được bảo quản không đúng quy định về nhiệt độ, độ ẩm: 0 điểm. <p>(Kiểm tra chế độ bảo quản mẫu lưu tại đơn vị)</p>	2		

6.3	Việc hủy mẫu lưu thực hiện theo đúng quy định hiện hành. - Thực hiện việc hủy mẫu lưu đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường: 01 điểm. - Hủy mẫu lưu không đúng quy định: 0 điểm	1		
7.	Thử nghiệm và đánh giá kết quả	15		
7.1	Mẫu được tiến hành phân tích ngay theo đúng thời gian quy định: - Mẫu được tiến hành phân tích đúng thời gian theo quy định: 03 điểm - Mẫu được tiến hành phân tích không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm.	3		
7.2	Mẫu được thử nghiệm ít nhất 03 lần và lấy giá trị trung bình đối với các phân tích định lượng, độ hoà tan, độ tan rã: - Thực hiện thử nghiệm ít nhất 03 lần/mẫu: 03 điểm - Thực hiện thử nghiệm dưới 03 lần/mẫu: 0 điểm	3		
7.3	Thay đổi kỹ thuật viên khi kết quả phân tích không đạt: - Thực hiện thay đổi kỹ thuật viên khi kết quả phân tích không đạt: 03 điểm - Không thực hiện thay đổi kỹ thuật viên khi kết quả phân tích không đạt: 0 điểm (Kiểm tra hồ sơ lưu tại đơn vị)	3		
7.4	Lưu giữ trong hồ sơ kiểm nghiệm: - Tất cả các kết quả kiểm nghiệm được lưu giữ trong hồ sơ kiểm nghiệm: 03 điểm - Lưu các kết quả kiểm nghiệm không đầy đủ: 0 điểm	3		
7.5	Trả kết quả kiểm nghiệm (đối với mẫu lấy): - Trả lời kết quả kiểm nghiệm đúng thời gian theo quy định: 03 điểm. - Trả kết quả kiểm nghiệm không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm	3		
8.	Hồ sơ, tài liệu	5		
8.1	Hồ sơ kiểm nghiệm: - Hồ sơ kiểm nghiệm đúng theo quy định hiện hành: 03 - Hồ sơ kiểm nghiệm không thực hiện đúng theo quy định hiện hành: 0 điểm (Kiểm tra Hồ sơ lưu tại đơn vị)	3		
8.2	Quy trình thao tác chuẩn (SOPs) - Có đầy đủ các quy trình thao tác chuẩn (SOPs) được ban hành chính thức và được cập nhật thay đổi: 02 điểm - Không có đầy đủ các quy trình thao tác chuẩn (SOPs): 0 điểm	2		
9.	An toàn phòng thí nghiệm	15		
9.1	Quy định an toàn phòng thí nghiệm:	2		

	<ul style="list-style-type: none"> - Có quy định an toàn phòng thí nghiệm với đầy đủ các nội dung theo quy định: 02 điểm. - Không có đầy đủ các quy định an toàn phòng thí nghiệm theo quy định: 0 điểm. (Kiểm tra quy định tại đơn vị)			
9.2	Phương tiện bảo hộ lao động (áo choàng, kính, khẩu trang, ...): <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phương tiện bảo hộ lao động trong phòng thí nghiệm: 02 điểm - Không có đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động trong phòng thí nghiệm: 0 điểm. 	2		
9.3	Phương tiện, thuốc sơ cứu, cấp cứu: <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ trang bị các phương tiện, thuốc sơ cứu, cấp cứu: 02 điểm. - Không có đủ trang bị các phương tiện, thuốc sơ cứu, cấp cứu: 0 điểm. 	2		
9.4	Phòng cháy, chữa cháy: <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy và nội quy phòng cháy, chữa cháy: 02 điểm. - không trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy hoặc không có nội quy phòng cháy, chữa cháy: 0 điểm 	2		
9.5	Công tác đào tạo, huấn luyện về an toàn lao động, sơ cứu, cấp cứu: <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên được đào tạo, huấn luyện về an toàn lao động, sơ cứu, cấp cứu và dùng chất giải độc: 02 điểm. - Không tổ chức đào tạo, huấn luyện về an toàn lao động, sơ cứu, cấp cứu và dùng chất giải độc cho nhân viên: 0 điểm. 	2		
9.6	Trang bị hệ thống/ phương tiện/dụng cụ xử lý chất thải: <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ hệ thống/phương tiện/dụng cụ xử lý chất thải: 02 điểm. - Không trang bị đủ hệ thống/phương tiện/dụng cụ xử lý chất thải: 0 điểm 	2		
9.7	Công tác xử lý chất thải phòng thí nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý chất thải đúng quy định: 03 điểm. - Xử lý chất thải không đúng quy định: 0 điểm. (Kiểm tra việc xử lý chất thải tại đơn vị)	3		
10.	Công tác nghiên cứu, kiểm tra	5		
10.1	Công tác nghiên cứu kỹ thuật kiểm nghiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Có nghiên cứu áp dụng các kỹ thuật để phục vụ cho việc kiểm nghiệm thuốc tại địa phương: 03 điểm - Không có nghiên cứu áp dụng các kỹ thuật để phục vụ cho việc kiểm nghiệm thuốc tại địa phương: 0 điểm 	3		
10.2	Công tác kiểm tra:	2		

	- Có tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật: 02 điểm. - Không tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật: 0 điểm.			
	CỘNG:	100		

KẾT QUẢ TỰ CHẤM ĐIỂM

- Tổng số điểm đạt từ 90% trở lên so với điểm chuẩn: Xếp loại xuất sắc;
- Tổng số điểm đạt từ 80-89% so với điểm chuẩn: Xếp loại tốt;
- Tổng số điểm đạt từ 65-79% so với điểm chuẩn: Xếp loại khá;
- Tổng số điểm đạt từ 50-64% so với điểm chuẩn: Xếp loại trung bình;
- Tổng số điểm đạt dưới 50% so với điểm chuẩn: Xếp loại kém.

TỔNG SỐ ĐIỂM TỰ CHẤM:

Xếp loại:

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)